

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ C
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2022/DS-ST

Ngày 21-12-2022

V/v tranh chấp hợp đồng tín
dụng

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ C, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Cẩm Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thắm;

Bà Nguyễn Kim Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Thiện Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 269/2022/TLST- DS ngày 05 tháng 10 năm 2022 về việc: “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2022/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng VN; địa chỉ trụ sở: Tầng 1 (tầng trệt) và Tầng 2, Tòa nhà SailingTower-111 A Pasteur, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

1. Ông Nguyễn Minh T– Cán bộ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam; địa chỉ liên hệ: Tầng 6, Tòa nhà Paxsky, 26 Ung Văn Khiêm, phường 25, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 009242.22 ngày 16/02/2022); vắng mặt.

2. Ông Trần Văn T– Cán bộ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt

Nam; địa chỉ liên hệ: Tầng 6, Tòa nhà Paxsky, 26 Ung Văn Khiêm, phường 25, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 009242.22 ngày 16/02/2022); có mặt.

3. Ông Lê Anh Ph - Cán bộ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam; địa chỉ liên hệ: Tầng 6, Tòa nhà Paxsky, 26 Ung Văn Khiêm, phường 25, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 009242.22 ngày 16/02/2022); vắng mặt.

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Thái B, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ 18A, khu phố 2, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

2. Bà Lê Thị Ngọc H, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ 18A, khu phố 2, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương; vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 11/10/2021 của nguyên Ngân hàng VN; trong quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Trần Văn Túc trình bày:

Ngân hàng VN - Chi nhánh T với vợ chồng ông Nguyễn Thái B, bà Lê Thị Ngọc H ký kết 02 Hợp đồng tín dụng, cụ thể:

- Hợp đồng tín dụng số 0260/HĐTD-VIB619/17 ngày 06/6/2017: Ngân hàng VN - Chi nhánh T cho vợ chồng ông B, bà H vay số tiền 670.000.000 đồng; mục đích vay để mua xe ô tô hiệu CHEVROLET, biển số kiểm soát 61C-275.56; thời hạn vay 96 tháng tính từ ngày 07/6/2017 đến ngày 06/6/2025; lãi suất thời điểm giải ngân là 7,8%/năm, đây là mức lãi suất ưu đãi áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay. Hết thời hạn ưu đãi, lãi suất được điều chỉnh lại theo quy định của Ngân hàng VN tại thời điểm điều chỉnh. Hoàn trả tiền vay gốc hàng tháng vào ngày 23; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

- Hợp đồng tín dụng số 0134/HĐTD1-VIB619/17 ngày 11/4/2017: Ngân hàng VN - Chi nhánh T cho vợ chồng ông B, bà H vay số tiền 516.000.000 đồng; mục đích vay để mua xe ô tô hiệu CHEVROLET, biển số kiểm soát 61A-362.71; thời hạn vay 96 tháng tính từ ngày 11/4/2017 đến ngày 11/4/2025; lãi suất thời điểm giải ngân là 8,79%/năm, đây là mức lãi suất ưu đãi áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay. Hết thời hạn ưu đãi, lãi suất được điều chỉnh lại theo quy định của Ngân hàng VN tại thời điểm điều chỉnh.

Hoàn trả tiền vay gốc hàng tháng vào ngày 23; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Ngoài các nội dung thỏa thuận trên, trong Hợp đồng tín dụng còn có các điều khoản thỏa thuận về đảm bảo nghĩa vụ thanh toán, hiệu lực, Luật điều chỉnh và giải quyết tranh chấp.

Khi vay, vợ chồng ông B, bà H có thể chấp 02 xe ô tô, gồm: 01 xe ô tô hiệu CHEVROLET, biển số kiểm soát 61C-275.56 và 01 xe ô tô hiệu CHEVROLET, biển số kiểm soát 61A-362.71, thể hiện tại Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị/phương tiện vận tải số 0134/HĐTC-VIB619/17 ngày 11/4/2017 và Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 0260/HĐTC-VIB619/17 ngày 06/6/2017. Tài sản thế chấp có đăng ký giao dịch bảo đảm tại Cục đăng ký Quốc gia giao dịch bảo đảm (NRAST), địa chỉ: Số 58-60, đường Trần Phú, quận Ba Đình, Hà Nội.

Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng VN - Chi nhánh T đã giải ngân cho vợ chồng ông B, bà H theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 0260/KUNN-VIB619/17 ngày 06/6/2017 với số tiền 670.000.000 đồng và Khế ước nhận nợ số 0134/KUNN1-VIB619/17 ngày 11/4/2017 với số tiền 516.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, vợ chồng ông B, bà H thanh toán tiền gốc, lãi định kỳ đầy đủ; cho đến ngày 23/8/2019 vợ chồng ông B, bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán trả tiền gốc, lãi cho Ngân hàng VN. Số tiền nợ gốc hiện vợ chồng ông Bình, bà Hà còn nợ Ngân hàng VN là 858.729.020 đồng.

Nay Ngân hàng VN yêu cầu:

- Buộc ông Nguyễn Thái B và bà Lê Thị Ngọc H trả cho Ngân hàng VN số tiền gốc: 858.729.020 đồng, trong đó dư nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng số 0134/HĐTD1-VIB619/17 ngày 11/4/2017 là 370.875.000 đồng; dư nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng số 0260/HĐTD-VIB619/17 ngày 06/6/2017 là 487.854.020 đồng.

- Buộc ông Nguyễn Thái B và bà Lê Thị Ngọc H trả cho Ngân hàng VN số tiền lãi tính đến hết ngày 05/12/2022, cụ thể là:

+ Tiền lãi quá hạn của Hợp đồng tín dụng số 0134/HĐTD1-VIB619/17 ngày 11/4/2017 là 228.203.929 đồng.

+ Tiền lãi của Hợp đồng tín dụng số 0260/HĐTD-VIB619/17 ngày 06/6/2017 là 299.367.822 đồng, trong đó nợ lãi trong hạn 35.885.387 đồng, nợ

lãi quá hạn 263.482.435 đồng.

Tổng tiền gốc, lãi Ngân hàng VN yêu cầu ông Nguyễn Thái Bình và bà Lê Thị Ngọc Hà thanh toán là: 1.386.300.771 đồng.

- Buộc ông Nguyễn Thái B và bà Lê Thị Ngọc H tiếp tục chịu tiền lãi, lãi quá hạn phát sinh trên số tiền nợ gốc thực nợ, được thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 0134/HĐTD1-VIB619/17 ngày 11/4/2017, Hợp đồng tín dụng số 0260/HĐTD-VIB619/17 ngày 06/6/2017 và Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 0260/KUNN-VIB619/17 ngày 06/6/2017, Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 0134/KUNN1-VIB619/17 ngày 11/4/2017, kể từ ngày 06/12/2022 cho đến khi ông Nguyễn Thái B, bà Lê Thị Ngọc H thanh toán hết nợ.

Đối với Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị/phương tiện vận tải số 0134/HĐTC-VIB619/17 ngày 11/4/2017 và Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 0260/HĐTC-VIB619/17 ngày 06/6/2017 ký kết giữa Ngân hàng VN - Chi nhánh T với vợ chồng ông Nguyễn Thái B, bà Lê Thị Ngọc H liên quan đến việc ông B, bà H thế chấp cho Ngân hàng VN 02 xe ô tô, gồm: 01 xe ô tô hiệu CHEVROLET, biển số kiểm soát 61C-275.56 và 01 xe ô tô hiệu CHEVROLET, biển số kiểm soát 61A-362.71, Ngân hàng VN không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 24/10/2022, bị đơn bà Lê Thị Ngọc H, trình bày:

Ngân hàng VN - Chi nhánh T với bà và chồng là ông Nguyễn Thái B ký kết 02 Hợp đồng tín dụng, cụ thể:

- Hợp đồng tín dụng số 0260/HĐTD-VIB619/17 ngày 06/6/2017: Ngân hàng VN - Chi nhánh T cho vợ chồng bà vay số tiền 670.000.000 đồng; mục đích vay để mua xe ô tô hiệu CHEVROLET, biển số kiểm soát 61C-275.56; thời hạn vay 96 tháng tính từ ngày 07/6/2017 đến ngày 06/6/2025; lãi suất thời điểm giải ngân là 7,8%/năm, đây là mức lãi suất ưu đãi áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay. Hết thời hạn ưu đãi, lãi suất được điều chỉnh lại theo quy định của Ngân hàng VN tại thời điểm điều chỉnh. Hoàn trả tiền vay gốc hàng tháng vào ngày 23; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

- Hợp đồng tín dụng số 0134/HĐTD1-VIB619/17 ngày 11/4/2017: Ngân hàng VN - Chi nhánh T cho vợ chồng bà vay số tiền 516.000.000 đồng; mục đích vay để mua xe ô tô hiệu CHEVROLET, biển số kiểm soát 61A-362.71; thời hạn vay 96 tháng tính từ ngày 11/4/2017 đến ngày 11/4/2025; lãi suất thời điểm

giải ngân là 8,79%/năm, đây là mức lãi suất ưu đãi áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay. Hết thời hạn ưu đãi, lãi suất được điều chỉnh lại theo quy định của Ngân hàng VN tại thời điểm điều chỉnh. Hoàn trả tiền vay gốc hàng tháng vào ngày 23; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Ngoài các nội dung thỏa thuận trên, trong Hợp đồng tín dụng còn có các điều khoản thỏa thuận về đảm bảo nghĩa vụ thanh toán, hiệu lực, Luật điều chỉnh và giải quyết tranh chấp.

Khi vay, vợ chồng bà có thể chấp 02 xe ô tô, gồm: 01 xe ô tô hiệu CHEVROLET, biển số kiểm soát 61C-275.56 và 01 xe ô tô hiệu CHEVROLET, biển số kiểm soát 61A-362.71, thể hiện tại Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị/phương tiện vận tải số 0134/HĐTC-VIB619/17 ngày 11/4/2017 và Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 0260/HĐTC-VIB619/17 ngày 06/6/2017. Tài sản thế chấp có đăng ký giao dịch bảo đảm tại Cục đăng ký Quốc gia giao dịch bảo đảm (NRAST), địa chỉ: Số 58-60, đường Trần Phú, quận Ba Đình, Hà Nội.

Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng VN - Chi nhánh T đã giải ngân cho vợ chồng bà theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 0260/KUNN-VIB619/17 ngày 06/6/2017 với số tiền 670.000.000 đồng và Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 0134/KUNN1-VIB619/17 ngày 11/4/2017 với số tiền 516.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, vợ chồng bà thanh toán tiền gốc, lãi định kỳ đầy đủ; cho đến ngày 23/8/2019 vợ chồng bà vi phạm nghĩa vụ thanh toán trả tiền gốc, lãi cho Ngân hàng VN. Số tiền nợ gốc hiện vợ chồng bà còn nợ Ngân hàng VN là 858.729.020 đồng.

Nay bà đồng ý trả cho Ngân hàng VN số tiền gốc: 858.729.020 đồng, trong đó dư nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng số 0134/HĐTD1-VIB619/17 ngày 11/4/2017 là 370.875.000 đồng; dư nợ theo Hợp đồng tín dụng số 0260/HĐTD-VIB619/17 ngày 06/6/2017 là 487.854.020 đồng.

- Bà đồng ý trả cho Ngân hàng VN số tiền lãi tính đến hết ngày 05/12/2022, cụ thể là:

+ Tiền lãi quá hạn của Hợp đồng tín dụng số 0134/HĐTD1-VIB619/17 ngày 11/4/2017 là 228.203.929 đồng.

+ Tiền lãi của Hợp đồng tín dụng số 0260/HĐTD-VIB619/17 ngày 06/6/2017 là 299.367.822 đồng, trong đó nợ trong hạn 35.885.387 đồng, nợ lãi

quá hạn 263.482.435 đồng.

Tổng tiền gốc, lãi Ngân hàng VN bà đồng ý thanh toán là: 1.386.300.771 đồng.

- Bà đồng ý tiếp tục chịu tiền lãi, lãi quá hạn phát sinh trên số tiền nợ gốc thực nợ, được thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 0134/HĐTD1-VIB619/17 ngày 11/4/2017, hợp đồng tín dụng số 0260/HĐTD-VIB619/17 ngày 06/6/2017 và Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 0260/KUNN-VIB619/17 ngày 06/6/2017, Khế ước nhận nợ số 0134/KUNN1-VIB619/17 ngày 11/4/2017, kể từ ngày 06/12/2022 cho đến khi ông Nguyễn Thái B, bà thanh toán hết nợ.

Đối với Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị/phương tiện vận tải số 0134/HĐTC-VIB619/17 ngày 11/4/2017 và Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 0260/HĐTC-VIB619/17 ngày 06/6/2017 ký kết giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung với vợ chồng bà, liên quan đến việc vợ chồng bà thế chấp cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam 02 xe ô tô, gồm: 01 xe ô tô hiệu CHEVROLET, biển số kiểm soát 61C-275.56 và 01 xe ô tô hiệu CHEVROLET, biển số kiểm soát 61A-362.71, việc Ngân hàng VN không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết đối với 02 Hợp đồng thế chấp nêu trên, bà cũng đồng ý, bà không có ý kiến gì.

Trong quá trình tố tụng, Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn là ông Nguyễn Thái B ; nhưng ông Bình không đến Tòa án làm việc theo thông báo và giấy triệu tập của Tòa án nên Tòa án không thu thập được lời khai của ông B .

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thời hạn thụ lý, giải quyết vụ án; việc cấp tổng đạt văn bản pháp luật và việc tuân thủ quy định pháp luật của người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự 2015 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn bà Lê Thị Ngọc H có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt; bị đơn ông Nguyễn Thanh B đã được Tòa án tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng

hợp lệ. Tuy nhiên, ông B vẫn không đến Tòa án làm việc và tham gia phiên tòa xét xử. Căn cứ quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà H, ông B.

Văn bản ủy quyền số 009242.22 ngày 16/02/2022 của Ngân hàng VN, ủy quyền cho ông Nguyễn Minh T, hoặc ông Trần Văn T, hoặc ông Lê Anh Ph. Do đó, trong quá trình tố tụng ông Nguyễn Minh T, ông Ph vắng mặt, ông Trần Văn T đại diện có mặt là đã đủ điều kiện để Tòa án tiến hành làm việc và tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét tính hợp pháp của Hợp đồng; Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ:

Hợp đồng tín dụng số 0260/HĐTD-VIB619/17 ngày 06/6/2017; Hợp đồng tín dụng số 0134/HĐTD1-VIB619/17 ngày 11/4/2017; Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 0260/KUNN-VIB619/17 ngày 06/6/2017; Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 0134/KUNN1-VIB619/17 ngày 11/4/2017 giữa Ngân hàng VN - Chi nhánh T – do ông Nguyễn Ngô Ngọc B với bà Lê Thị Ngọc H, ông Nguyễn Thanh B ký kết. Tại thời điểm ký kết, ông Nguyễn Ngô Ngọc B là người đại diện hợp pháp của Ngân hàng VN - Chi nhánh T, việc các bên ký kết hợp đồng tín dụng trên cơ sở tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật. Do đó, thỏa thuận hợp đồng giữa hai bên có hiệu lực pháp luật và là cơ sở phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa hai bên.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng VN cung cấp và lời xác nhận của bị đơn bà Lê Thị Ngọc H, thể hiện: Giữa Ngân hàng VN - Chi nhánh T với bà Lê Thị Ngọc H, ông Nguyễn Thanh B ký kết Hợp đồng tín dụng số 0260/HĐTD-VIB619/17 ngày 06/6/2017; và Hợp đồng tín dụng số 0134/HĐTD1-VIB619/17 ngày 11/4/2017. Thực hiện hợp đồng và theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 0260/KUNN-VIB619/17 ngày 06/6/2017; Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 0134/KUNN1-VIB619/17 ngày 11/4/2017 của bà Lê Thị Ngọc H, ông Nguyễn Thanh B, Ngân hàng VN đã giải ngân cho ông B, bà H tổng số tiền là 1.186.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, vợ chồng bà thanh toán tiền gốc, lãi định kỳ đầy đủ; cho đến ngày 23/8/2019 vợ chồng bà vi phạm nghĩa vụ thanh toán trả tiền gốc, lãi cho Ngân hàng VN. Số tiền nợ gốc hiện ông B, bà H còn nợ Ngân hàng VN là 858.729.020 đồng.

Theo thỏa thuận tại tiểu mục 1.1 mục 1 của Hợp đồng tín dụng số 0134/HĐTD1-VIB619/17; mục 4 của Đơn đề nghị đồng là 96 tháng tính từ ngày 11/4/2017 đến ngày 11/4/2025; tại tiểu mục 1.1 mục 1 của Hợp đồng tín dụng số 0260/HĐTD-VIB619/17, mục 4 của Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 0260/KUNN-VIB619/17, thì thời hạn vay là 96 tháng tính từ ngày

07/6/2017 đến ngày 06/6/2025, với hình thức trả gốc, lãi định kỳ hàng tháng. Tuy nhiên đến ngày 23/8/2019 vợ chồng bà vi phạm nghĩa vụ thanh toán trả tiền gốc, lãi cho Ngân hàng VN. Mặc dù đến ngày 11/4/2025 và ngày 06/6/2025 mới hết hạn hợp đồng; tuy nhiên, căn cứ Điều 282 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì việc chậm thực hiện nghĩa vụ theo định kỳ cũng bị coi là chậm thực hiện nghĩa vụ, do đó Ngân hàng VN khởi kiện yêu cầu ông B , bà H thanh toán tiền nợ gốc, lãi là phù hợp quy định pháp luật. Quá trình tố tụng, bị đơn bà H xác nhận bà H và ông B còn nợ Ngân hàng VN 858.729.020 đồng, bà đồng ý trả tiền gốc, lãi theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Cần buộc ông Nguyễn Thái B và bà Lê Thị Ngọc H trả cho Ngân hàng VN số tiền gốc: 858.729.020 đồng, trong đó dư nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng số 0134/HĐTD1-VIB619/17 ngày 11/4/2017 là 370.875.000 đồng; dư nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng số 0260/HĐTD-VIB619/17 ngày 06/6/2017 là 487.854.020 đồng. Buộc ông Nguyễn Thái B và bà Lê Thị Ngọc H trả cho Ngân hàng VN số tiền lãi tính đến hết ngày 05/12/2022, cụ thể là:

+ Tiền lãi quá hạn của Hợp đồng tín dụng số 0134/HĐTD1-VIB619/17 ngày 11/4/2017 là 228.203.929 đồng.

+ Tiền lãi của Hợp đồng tín dụng số 0260/HĐTD-VIB619/17 ngày 06/6/2017 là 299.367.822 đồng, trong đó nợ lãi trong hạn 35.885.387 đồng, nợ lãi quá hạn 263.482.435 đồng.

Tổng tiền gốc, lãi Ngân hàng VN yêu cầu ông Nguyễn Thái B và bà Lê Thị Ngọc H thanh toán là: 1.386.300.771 đồng.

Đồng thời, ông Nguyễn Thái B , bà Lê Thị Ngọc H phải tiếp tục chịu tiền lãi, lãi quá hạn phát sinh trên số tiền nợ gốc thực nợ, được thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 0134/HĐTD1-VIB619/17 ngày 11/4/2017, Hợp đồng tín dụng số 0260/HĐTD-VIB619/17 ngày 06/6/2017 và Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 0260/KUNN-VIB619/17 ngày 06/6/2017, Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 0134/KUNN1-VIB619/17 ngày 11/4/2017, kể từ ngày 06/12/2022 cho đến khi ông Nguyễn Thái B, bà Lê Thị Ngọc H thanh toán hết nợ.

[4] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Nguyễn Thái B , bà Lê Thị Ngọc H phải chịu tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền 3.000.000 (ba triệu) đồng, số tiền này hoàn trả lại cho Ngân hàng VN.

[5] Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Thái B , bà Lê Thị Ngọc H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự 2015;
- Luật các Tổ chức tín dụng;
- Khoản 1 Điều 8, điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;
- Các Điều 144, 147, 156, 157, 235, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1. Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng VN đối với bị đơn ông Nguyễn Thái B , bà Lê Thị Ngọc H về: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”;

- Buộc ông Nguyễn Thái B , bà Lê Thị Ngọc H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng VN số tiền gốc: 858.729.020 (tám trăm năm mươi tám triệu, bảy trăm hai mươi chín nghìn, không trăm hai mươi) đồng, trong đó dư nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng số 0134/HĐTD1-VIB619/17 ngày 11/4/2017 là 370.875.000 (ba trăm bảy mươi triệu, tám trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng; dư nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng số 0260/HĐTD-VIB619/17 ngày 06/6/2017 là 487.854.020 (bốn trăm tám mươi bảy triệu, tám trăm năm mươi bốn nghìn, không trăm hai mươi) đồng.

- Buộc ông Nguyễn Thái B và bà Lê Thị Ngọc H trả cho Ngân hàng VN số tiền lãi tính đến hết ngày 05/12/2022, cụ thể là:

+ Tiền lãi quá hạn của Hợp đồng tín dụng số 0134/HĐTD1-VIB619/17 ngày 11/4/2017 là 228.203.929 (hai trăm hai mươi tám triệu, hai trăm lẻ ba nghìn, chín trăm hai mươi chín) đồng.

+ Tiền lãi của Hợp đồng tín dụng số 0260/HĐTD-VIB619/17 ngày 06/6/2017 là 299.367.822 đồng, trong đó nợ lãi trong hạn 35.885.387 (ba mươi lăm triệu, tám trăm tám mươi lăm nghìn, ba trăm tám mươi bảy) đồng, nợ lãi quá hạn 263.482.435 (hai trăm sáu mươi ba triệu, bốn trăm tám mươi hai nghìn, bốn trăm ba mươi lăm) đồng.

Tổng tiền gốc, lãi Ngân hàng VN yêu cầu ông Nguyễn Thái Bình, bà Lê Thị Ngọc Hà thanh toán là: 1.386.300.771 (một tỉ, ba trăm tám mươi sáu triệu, ba trăm nghìn, bảy trăm bảy mươi một) đồng.

Kể từ 06/12/2022 cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Thái B , bà Lê Thị Ngọc H phải tiếp tục chịu tiền lãi, lãi quá hạn phát sinh trên số tiền nợ gốc thực nợ, được thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 0134/HĐTD1-

VIB619/17 ngày 11/4/2017, Hợp đồng tín dụng số 0260/HĐTD-VIB619/17 ngày 06/6/2017 và Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 0260/KUNN-VIB619/17 ngày 06/6/2017, Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 0134/KUNN1-VIB619/17 ngày 11/4/2017, kể từ ngày 06/12/2022 cho đến khi ông Nguyễn Thái B , bà Lê Thị Ngọc H thanh toán hết nợ.

2. Về án phí:

Ông Nguyễn Thái B , bà Lê Thị Ngọc H phải chịu 53.589.023 (năm mươi ba triệu, năm trăm tám mươi chín nghìn, không trăm hai mươi ba) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng VN không phải chịu tiền án phí. Hoàn trả cho Ngân hàng VN số tiền 23.595.835 (hai mươi ba triệu, năm trăm chín mươi lăm nghìn, tám trăm ba mươi lăm) đồng tại Biên lai thu số AA/2021/0000954 ngày 07/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng VN có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Lê Thị Ngọc H, ông Nguyễn Thái B có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- Các đương sự;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: HSVA;VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Cẩm Hằng